QUẦN ÂU **Phân loại chất lượng cắt, may bằng phương pháp cho điểm** Брюки Trousers	TCVN 2112 — 77 **Khuyến khích áp dụng**

Tiêu chuẩn này áp dụng cho các loại quần âu.

1. PHÂN LOẠI

1.1. Tùy thuộc vào chất lượng cắt, may nên quần âu được phân loại theo số điểm quy định trong bảng 1.

Bảng 1

Loại	Số điểm quy định
Đặc biệt	Lớn hơn hoặc bằng 96
1	Từ 90 đến nhỏ hơn 96
2	Từ 82 đến nhỏ hơn 90
3	Từ 72 đến nhỏ hơn 82

2. YÊU CẦU KỸ THUẬT

Quần âu sau khi may xong, các chi tiết cho điểm theo quy định trong bảng 2.

Bảng 2

Yêu cầu	Điểm quy định
1. CẠP QUẦN Hai bên cạp bản to, nhỏ, dài, ngắn đều nhau, đường nối cạp vào thân quần ăn phom với nhau. Trên cạp may đều lằn đường may êm, không nhăn dúm, may lót phải êm, phẳng, không bị vặn, dây luồn thắt lưng phải đều và thẳng.	20

Yêu cầu	Điểm quy định
2. TÚI SAU Chỗ viền góc túi phải cân đối, đường viền đanh, nối đều, không bị bên to, bên nhỏ, căng, chùng. Nắp túi phải phủ kín miệng, không bị vênh lệch. Túi cơi, túi ốp có các góc sắc, miệng túi đều, hai bên túi phải song song với nhau, cân đối và kín miệng.	20
3. TÚI CẠNH (dọc hoặc chéo) Đáp túi, vải túi cần may theo làn đầu dọc thân quần. Túi dọc thẳng hoặc túi chéo cần may êm, miệng không bị bai.	20
4. CỬA QUẦN Cửa quần may phải thoát, êm, mọng, không bị bai, không bị hẳn và đúng chiều dài đã quy định. Mọi khuy và đính cúc phải ăn làn với thân quần, không bị lệch, vặn mà phải êm, phẳng.	15
5. DÀNG, DỌC VÀ MÔNG Đường may dọc, êm, phẳng, không cầm bai. Đường dàng từ đầu gối trở lên hơi bai, phía thân sau cho êm. Đường giáp mông phải may hai đường chỉ chồng khít lên nhau, chỗ vòm mông phải may bai cho dãn chỉ. Ngã tư gầm đũng phải giao nhau cho cân đối.	10
6. GẤU Gấu quần hai bên phải bằng nhau, không bên to, bên nhỏ, đường may phải đều làn	5
7. CÁC ĐƯỜNG MAY Số mũi chỉ của đường may bên ngoài phải đạt 5 — 7 mũi chỉ/cm và bên trong phải đạt 5 — 6 mũi chỉ/cm. Các đường may phải thẳng hoặc lượn đều chỗ cần thiết. Đường dàng, dọc may cách mép 1 cm, đường may cạp cách 0,6 cm, đường may cửa quần cách 0,5 cm. Cạp và cửa quần phải cạo hết lót, lé vào trong.	5
8. THÙA KHUY, ĐÍNH CÚC Theo mục 7 bảng 2 TCVN 2111 — 77	5

3. CHO ĐIỂM CÁC KHUYẾT TẬT

Quần âu sau khi may xong, nếu các chi tiết bị khuyết tật đều phải cho điểm. Tùy thuộc vào mức độ khuyết tật mà tiến hành cho điểm theo quy định trong bảng 3.

Bảng 3

Loại khuyết tật	Điểm của khuyết tật
1. CẠP QUẦN	20
Cạp có hai thân bên dài, bên ngắn không đều nhau.	0,5 — 2
Đầu cạp hai bên không đều, đầu to, đầu nhỏ.	0,5 — 2
Cạp bẻ không đều làn, chỗ to, chỗ nhỏ	0,25 — 2
Lót cạp không êm, bị vặn, bị thừa, thiếu bị sổ lót (mỗi khuyết tật này đều bị trừ điểm).	0,25 — 2
Đuôi cạp hai bên không đều, bị so le	0,25 — 2
Đầu cạp nguýt tròn hoặc mông nhưng không đều.	0.25 — 2
Lỗ khuy giả may không chuẩn, bị hoác, bị lé (môi mè)	0,25 — 1
Ly quần chếp hai thân không cân đối, bị lệch hoặc sai đấu, tháo ra sửa lại.	0,25 — 1
Dây luồn thắt lưng dài, ngắn không đều hoặc tra lệch mép, căng, chùng (mỗi khuyết tật này đều bị trừ điểm).	0,25 — 2
Lót cạp cạo không hết, bị lé ra ngoài	0,25 — 1
Cạp may không ăn phom với lưng quần.	0,25 — 1
2. TÚI SAU	20
Túi viền	
Viền không đều, chỗ to, chỗ nhỏ	0,5 — 3
Miệng túi bị hoác, viền bên căng, bên chùng.	0,5 — 3
Các góc không vuông, không sắc, bị méo, bị dúm, bị sổ (khuyết tật này tùy thuộc vào mức độ bị đánh lỗi khác nhau).	1 — 5
Viền không êm, bị hằn thân, căng thân, hai thân.	0,5 — 2,5
May chặn ngầm hoặc may lọt khe chỗ chìm, chỗ nổi không đều.	0,25 — 2

Bảng 3 (tiếp theo)

Loại khuyết tật	Điểm của khuyết tật
Viền không đanh, bị lỏng	0,25 — 2,5
May chiết không cân, to nhỏ không đều bị lõm (tròn quýt)	0,25 — 1
Không may đáp túi, dây khuy may không cân túi.	0,25 — 1
May hai bên mép không đều bị méo	0,25 — 1
Túi cơi	
Các bộ phận và chi tiết đều đánh điểm như túi viền, nhưng phần viền thay cho cơi nếu bị bên to, bên nhỏ không đều.	0,5 — 3
Túi nắp	
Nắp thiếu mo, vênh, không vừa miệng	0,5 — 3
Túi ốp	
Túi đặt không đều, bên dài, bên ngắn	0,5 — 3
Mép bẻ không đều, bên thẳng, bên bầu	0,5 — 3
Góc tròn không đều, làn tròn bị gẫy	0,25 — 2
3. TÚI CẠNH DỌC HOẶC CHÉO	20
(Điểm dưới đây quy định cho một bên. Khi khuyết tật bị cả hai bên, số điểm bị trừ sẽ tăng lên hai lần).	
Đáp và túi không ăn khớp, bị vặn canh	0,5 — 2
Vào dọc không êm, bị kênh dường may phía trên và phía dưới miệng túi.	0,5 — 2
Miệng túi bị hoác, túi chéo miệng bị bai căng, chùng.	0,25 — 1,5
Dọc quần phía dưới túi bị phùng	0,25 — 1,5
Lộn túi không máy đè, đường lộn không thẳng và đều làn.	0,25 — 1
Để lộ đáp túi dọc, lé ngược	0,25 — 0,5
May bọ không chắc, bị tuột	0,25 — 0,5
4. CỬA QUẦN	15
Moi khuy, moi cúc, may không ăn phom với cửa quần.	0,5 — 3
Thân moi khuy bị vặn (vỏ đỗ)	0,5 — 3
Thân dính cúc máy không êm, bị cầm, nhăn	0,25 — 2

Bảng 3 (tiếp theo)

Loại khuyết tật	Điểm của khuyết tật
Cửa quần không đều, bên dài, bên ngắn	0,25 – 2
Vào cửa quần ngã tư không gặp nhau, sai lệch.	0,25 – 1
Vào cửa quần không êm bị nhăn, bọ may không đúng vị trí.	0,25 – 1,5
Mọi khuy, mọi cúc, bị lộn, cạo lót không hết bị lé ngược.	0,25 – 0,5
Bản mọi khuy cúc to nhỏ quá quy định	0,25 – 0,5
5. DÀNG, DỌC, MÔNG	10
(Điểm dưới đây, quy định cho một ống)	
May sai dấu cắt, chừa mép vải to hoặc nhỏ sai quy định.	0,25 – 1
Vào dọc may không êm, thân cầm bai vênh vặn.	0,25 – 1
Vào dàng may không êm thân cầm bai, vênh dúm.	0,25 – 1
Máy đường vòng giáp mông chỗ chéo sợi không bai dãn bị đứt chỉ.	0,25 – 1
Đường may do kim bị sứt mũi nên vỡ sợi.	0,25 – 1
6. GẤU QUẦN	5
Gấu hai bên không đều, bên to, bên nhỏ	0,5 – 2
Ống quần may không đều làn bị rều hoặc thót.	0,5 – 2
Gấu quần may cúp hoặc loe quá, lên gấu bị căng, chùng.	0,25 – 1
7. CÁC ĐƯỜNG MAY	5
May mũi chỉ mau, thưa sai với quy định	0,25 – 1
Đường chỉ may diễu không đều, may mi không sát.	0,25 – 1
Đường chỉ may không thẳng, vòng vèo	0,25 – 1
May sùi chỉ, bỏ mũi	0,25 – 0,5
May sềnh sệt, chệch vải bị bong	0,25 – 0,5
Đường góc cạnh may không vuông, sắc, làn tròn bị gẫy.	0,25 – 1
8. THÙA KHUY, ĐÍNH CÚC	5
Theo mục 7 bảng 3 TCVN 2111 – 77	